

Bản án số: 69/2021/HNGĐ-ST

Ngày 30-12-2021

“Về tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦ THỪA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân: 1- Ông Bùi Mạnh Quyết.
2- Ông Cao Văn Lô.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy An, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

Ngày 30 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 154/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2021 về “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1976. Địa chỉ: Số 4/76C Khu phố 3 Nhà Thương, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An. (xin vắng mặt)

Bị đơn: Ông Bùi Văn Dũng E, sinh năm 1977. Địa chỉ: Số 4/76C khu phố 3 Nhà Thương, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 26-4-2021, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày: Bà T và ông Dũng E được gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 1994, có đăng ký kết hôn tại xã Tân Thành, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An theo Giấy đăng ký kết hôn số 10/2001 ngày 16-3-2001. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tư tưởng mỗi người khác nhau nên tính tình không hợp. Mâu thuẫn ngày càng lớn và vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc cho nhau do đó Bà T xin ly hôn với ông Dũng E. Bà T và ông Dũng E có 03 người con chung là Bùi Thị Thảo T, sinh ngày 03-9-1996, Bùi Thị Thảo Quyên, sinh ngày 05-8-1997 và Bùi Quyên V, sinh ngày 17-7-2010. Khi ly hôn Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chưa thành niên là Bùi Quyên V, ông Dũng E không phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Bùi Văn Dũng E đã được Tòa án thông báo về việc Bà T xin ly hôn nhưng ông Dũng E không gửi văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án, không tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện bà Nguyễn Thị Thanh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Bùi Văn Dũng E, do đó xác định tranh chấp giữa Bà T với ông Dũng E là tranh chấp về ly hôn. Căn cứ theo Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An có thẩm quyền giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm. Nguyên đơn là Bà T có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn là ông Dũng E đã được Tòa án thông báo phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn không có mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Theo lời trình bày của Bà T và tài liệu đã thu thập xác định quan hệ vợ chồng giữa Bà T và ông Dũng E được xác lập vào năm 2001 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại xã Tân Thành, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An vào ngày 16-3-2001. Sau cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp. Cuối năm 2020, Bà T đã nộp đơn xin ly hôn với ông Dũng E và được Tòa án thụ lý nhưng đến ngày 21-01-2021 Bà T xin rút đơn khởi kiện. Sau khi Tòa án đình chỉ giải quyết vụ việc thì mâu thuẫn vợ chồng Bà T ông Dũng E vẫn không khắc phục được, đến tháng 4 năm 2021 Bà T tiếp tục gửi xin ly hôn lần thứ hai. Tòa án đã thông báo cho ông Dũng E biết nhưng ông không phản đối việc Bà T xin ly hôn, điều đó cho thấy hôn nhân giữa Bà T và ông Dũng E đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà T, cho Bà T ly hôn với ông Dũng E.

[3] Về nuôi con chung: Bà T và ông Dũng E có 03 người con chung trong đó có một người chưa thành niên là Bùi Quyên V, sinh ngày 17-7-2010 đang ở với Bà T. Khi ly Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chưa thành niên và ông Dũng E không phản đối. Xét thấy nguyện vọng của con muốn ở với mẹ, do vậy giao Bà T trực tiếp nuôi con chưa thành niên theo quy định của Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con, do Bà T từ chối việc ông Dũng E cấp dưỡng nuôi con nên không buộc ông Dũng E phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Mặc dù không trực tiếp nuôi con chung nhưng ông Dũng E vẫn có quyền thăm, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án thì Bà T phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Áp dụng khoản 1 Điều 56 và các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh T đối với ông Bùi Văn Dũng E.

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn với ông Bùi Văn Dũng E.

Về nuôi con chung: Giao bà Nguyễn Thị Thanh T trực tiếp nuôi 01 con chưa thành niên tên Bùi Quyên V, sinh ngày 17-7-2010. Ông Bùi Văn Dũng E không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con chung cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí Bà T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007900 ngày 11-6-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An. Bà Nguyễn Thị Thanh T đã nộp đủ án phí.

2- Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

3- Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thủ Thừa;
- Chi cục THADS huyện Thủ Thừa;
- UBND xã Tân Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Trần Quốc Tiến